

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-PT

Ngày 14 - 5 - 2020

“V/v Tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Thực.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Tăng và Ông Trương Quang Tú.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Việt Cường, Thư ký viên chính, Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLPT-DS ngày 03/02/2020 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2019/DS-ST ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện VL bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐPT-DS ngày 02/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1970 (Có mặt).

SQ: Thôn CT, xã TQ, huyện VL, tỉnh Hưng Yên.

HKTT: thôn NT, xã TQ, huyện VL, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1939 (Có mặt).

Trú tại: Thôn CT, xã TQ, huyện VL, tỉnh Hưng Yên.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện VL Hưng Yên II.

Địa chỉ: thôn Trung Lê, thị trấn Như Quỳnh, huyện VL, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Tr - Giám đốc.

Người được ủy quyền: Bà Cao Thị Ph - Trưởng phòng kế toán. (Vắng mặt).

3.2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 (Có mặt).

3.3. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969 (Có mặt).

3.4. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

- Người đại diện theo pháp luật cho anh T2: Anh Nguyễn Văn H.

3.5. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1977 (Có mặt).

3.6. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980 (Có mặt).

Đều trú tại: Thôn CT, xã TQ, huyện VL, tỉnh Hưng Yên.

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-10-2017 và lời khai trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị B sinh được 06 người con gồm: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Th. Năm 2016, ông Ch không may bị bệnh chết, để lại 01 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện VL (nay là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện VL Hưng Yên II) với số tiền 120.000.000đồng. Trước khi chết, ông Ch không để lại di chúc, sổ tiết kiệm hiện nay do mẹ chị là bà Nguyễn Thị B đang quản lý. Nay chị đề nghị được chia số tiền của bố chị chết đi để lại theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B khai: Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Ch vào năm 1957. Quá trình chung sống vợ chồng bà sinh được 06 người con gồm 04 trai và 02 gái như trình bày của chị Th. Hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình, riêng có anh Nguyễn Văn T2 bị bệnh tâm thần chưa lập gia đình đang ở cùng với vợ chồng bà. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày vợ chồng bà chi tiêu tiết kiệm được một số tiền là 120.000.000 đồng. Vợ chồng bàn với nhau là gửi tiết kiệm để lấy lãi chi tiêu tuổi già. Sau đó, ông Nguyễn Văn Ch gửi 120.000.000 đồng và đứng tên trên sổ tiết kiệm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện VL (nay là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện VL, Hưng Yên II), từ ngày 20/6/2016 cho đến nay. Đến ngày 14/8/2016, ông Ch bị ốm chết không để lại di chúc. Số tiền tiết kiệm vẫn gửi tại Ngân hàng và bà đang quản lý sổ gốc. Nay chị Th khởi kiện yêu cầu được chia tài sản là số tiền 120.000.000 đồng đang gửi tại Ngân hàng bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Nguyễn Văn T khai thống nhất về bố mẹ, anh chị em trong gia đình như trình bày của chị Th. Bố anh mất năm 2016 để lại quyền sổ tiết kiệm 120.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn có địa chỉ tại thị trấn Như Quỳnh, huyện VL, tỉnh Hưng Yên. Nguồn gốc số tiền do bố mẹ anh bán đất mà có. Ông Ch trước khi chết có để lại di chúc cho ai số tiền này hay không anh không nắm được. Về số tiền này anh đề nghị để nguyên ở Ngân hàng không chia cho ai, sau này anh sẽ dùng số tiền này xây nhà thờ để thờ cúng tổ tiên vì anh là con trưởng của gia đình và dòng họ. Nay chị Th khởi kiện yêu cầu chia số tiền này tại lời khai ngày 12/12/2017 anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh T, chị C, anh H đều thống nhất với trình bày của chị Th về bố mẹ, anh chị em trong gia đình cũng như quyền sổ tiết kiệm 120.000.000 đồng do ông Ch gửi tại ngân hàng. Ông Ch chết năm 2016 không để lại di chúc. Nay chị Th khởi kiện yêu cầu được chia số tiền trên, Anh T, chị C, anh H đều xác định số tiền được hưởng sẽ tự nguyện biểu bà B để bà chi tiêu, dưỡng già.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện VL (nay là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện VL Hưng Yên II) xác định ông Nguyễn Văn Ch có gửi tiền tiết

kiệm tại Ngân hàng cụ thể tài khoản 2405601886544, ngày gửi 20/6/2016, số tiền gửi 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), kỳ hạn gửi 02 tháng.

Đối với anh Nguyễn Văn T2 bị bệnh tâm thần, Tòa án tạm đình chỉ vụ án dân sự để thụ lý giải quyết việc dân sự tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự đối với anh Tiên. Anh Nguyễn Văn H là người giám hộ và là người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Văn T2.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Th giữ nguyên quan điểm đề nghị được chia di sản thừa kế của ông Ch để lại. Số tiền chị được hưởng chị tự nguyện biếu bà B để bà dưỡng già.

Bà B không đồng ý chia di sản là số tiền 120.000.000 đồng và đề nghị được hưởng toàn bộ số tiền trên vì hiện nay bà đã già, không có thu nhập, không có lương. Số tiền này gửi ở Ngân hàng hiện bà đang quản lý sổ tiết kiệm, từ khi gửi đến nay chưa rút tiền gốc và lãi.

Anh Tuấn, anh Tú đề nghị đề nguyên số tiền ở Ngân hàng không chia để sau này xây nhà thờ thờ cúng tổ tiên.

Chị Có, anh Hội đề nghị được chia di sản thừa kế của ông Ch để lại. Số tiền anh, chị được hưởng anh, chị tự nguyện biếu mẹ là bà B để chi tiêu, dưỡng già.

Người được ủy quyền của Ngân hàng bà Cao Thị Phương có ý kiến: Ông Nguyễn Văn Ch có gửi số tiền 120.000.000 đồng ngày 20/6/2016 tại Ngân hàng. Tính cả gốc và lãi đến ngày xét xử 02/12/2019 là 138.800.395 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 36/2019/DSST ngày 02/12/2019, Tòa án nhân dân huyện VL đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th về yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ch.

Xác định số tiền 138.800.395 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu tám trăm nghìn ba trăm chín mươi năm đồng) là tài sản chung vợ chồng giữa ông Ch và bà B.

Xác định những người thừa kế trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng tài sản của ông Nguyễn Văn Ch gồm: Bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn H.

Bà Nguyễn Thị B được hưởng tổng số tiền là 118.971.762 đồng (Một trăm mười tám triệu chín trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng)

Anh Nguyễn Văn T được hưởng số tiền 9.914.313 đồng (Chín triệu chín trăm mười bốn nghìn ba trăm mười ba đồng).

Anh Nguyễn Văn T1 được hưởng số tiền 9.914.313 đồng (Chín triệu chín trăm mười bốn nghìn ba trăm mười ba đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 05/12/2019, anh Tuấn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, anh yêu cầu Tòa án không giải quyết vụ án và đề nghị giữ nguyên số tiền 120.000.000đ (chưa tính lãi) để giải quyết nội bộ trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Tuấn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị Th, anh H, chị C tự nguyện nhường kỷ phần thừa kế của mình cho bà B quản lý, sử dụng và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh Tú nhất trí với kháng cáo của anh Tuấn. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, HĐXX phúc thẩm, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Tuấn, Sửa án sơ thẩm: giao phần di sản anh Tiền được hưởng cho anh Hội - là người giám hộ quản lý, sửa án phí theo hướng chị Th, chị Có, anh Hội, anh Tiền không phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Tuấn kháng cáo trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ gia đình:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, xác định: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị B sinh được 06 người con gồm: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Th.

Ông Nguyễn Văn Ch chết năm 2016 không để lại di chúc nên căn cứ quy định về thừa kế theo pháp luật để giải quyết.

[2.2]. Về tài sản thừa kế:

Chị Nguyễn Thị Th yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn Ch để lại cho toàn bộ hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật. Di sản tranh chấp yêu cầu chia thừa kế là số tiền 120.000.000 đồng. Khoản tiền này được xác định là tài sản chung vợ chồng giữa ông Ch và bà B hiện gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện VL (nay là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện VL Hưng Yên II), mang tên ông Nguyễn Văn Ch số tài khoản 2405601886544, ngày gửi 20/6/2016. Theo tài liệu do Ngân hàng cung cấp thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm (02/12/2019) số tiền là 138.800.395 đồng.

Như vậy di sản của ông Ch để chia thừa kế là $\frac{1}{2}$ của 138.800.395 đồng = 69.400.197 đồng. Phần tài sản của bà B là 69.400.197 đồng.

[2.3] Về những người được hưởng di sản và kỷ phần cụ thể như sau:

Đối với số tiền 69.400.197 đồng (tiền gốc 60.000.000đ, tiền lãi 9.400.197đ) là di sản ông Ch để lại, những người được nhận thừa kế gồm 7 kỷ phần: bà B, chị Th, anh T, anh T1, chị C, anh T2, anh H.

Anh T kháng cáo đề nghị giữ nguyên số tiền gốc 120.000.000đ và tiền lãi không phân chia để giải quyết nội bộ trong gia đình. Xong yêu cầu của anh

không được các đồng thừa kế khác là bà B, chị Th, chị C, anh T2, anh H nhất trí nên yêu cầu của anh Tuấn là không được chấp nhận.

Chia thừa kế theo pháp luật, mỗi kỷ phần được hưởng 9.914.313 đồng (trong đó tiền gốc là 8.571.428đ, tiền lãi là 1.342.885đ).

Các đương sự chị Th, chị C, anh H đều tự nguyện xác định số tiền được hưởng sẽ biếu bà B để bà chi tiêu, dưỡng già nên tổng số tiền của bà B được thừa kế cộng với phần tài sản của bà là $(9.914.313đ \times 3) + 69.400.197đ = 99.143.136đ$ (trong đó tiền gốc là 85.714.284đ, lãi 13.428.852đ).

Anh Nguyễn Văn T2 được hưởng số tiền 9.914.313 đồng. Do anh T2 bị mất năng lực hành vi dân sự, có người giám hộ và là người đại diện theo pháp luật là anh Nguyễn Văn H. Nên số tiền anh T2 được hưởng sẽ giao cho anh H quản lý, sử dụng phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu của người được giám hộ. Việc cấp sơ thẩm nhập cả số tiền của anh T2 được hưởng vào phần của bà B để bà B sử dụng là không chính xác, cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại.

Anh T, anh T1 mỗi người được hưởng số tiền 9.914.313 đồng.

Đối với số tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm sẽ được tính trên số tiền mỗi người được hưởng khi thi hành án.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Do chị Th, chị C, anh H tự nguyện nhường kỷ phần của mình được hưởng cho bà B nên không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Anh T2 là người mất năng lực hành vi dân sự nên được miễn án phí theo luật định. Việc cấp sơ thẩm buộc chị Th, chị C, anh H, anh T2 phải chịu án phí sơ thẩm là không chính xác, gây thiệt hại cho đương sự.

Bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm dân sự.

Anh T, anh T1 phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

Do sửa án sơ thẩm nên anh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T. Sửa bản án số 36/2019/DSST ngày 02/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện VL đối với phần di sản anh Nguyễn Văn T2 được thừa kế từ ông Ch và phần án phí đương sự phải chịu.

Áp dụng: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 609, 610, 612, 649, 650, 651, 660, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th về chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Ch.

Xác định số tiền (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 02/12/2019) là 138.800.395 đồng (trong đó tiền gốc 120.000.000đ, tiền lãi 18.800.395đ) hiện đang gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện VL (nay là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện VL Hưng Yên II), mang tên ông Nguyễn Văn Ch, số tài khoản 2405601886544, ngày gửi 20/6/2016 là tài sản chung vợ chồng của ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị B.

Di sản của ông Nguyễn Văn Ch để chia thừa kế theo pháp luật là 69.400.197 đồng (tiền gốc 60.000.000đ, tiền lãi 9.400.197đ).

Xác định những người thừa kế trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông Nguyễn Văn Ch gồm: Bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn H.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th, anh H, chị C nhường kỷ phần của mình cho bà B.

Bà Nguyễn Thị B được hưởng tổng số tiền là 99.143.136 đồng (trong đó tiền gốc là 85.714.284đ, lãi 13.428.852đ).

Anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn T2 mỗi người được hưởng số tiền 9.914.313 đồng (trong đó tiền gốc là 8.571.428đ, tiền lãi là 1.342.885đ).

Giao cho anh Nguyễn Văn H là người giám hộ và là người đại diện theo pháp luật của anh Tiền quản lý, sử dụng số tiền anh T2 được hưởng là 9.914.313 đồng phục vụ cho các nhu cầu thiết yếu của anh T2.

Đối với số tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm 02/12/2019 sẽ được tính trên số tiền mỗi người được hưởng khi thi hành án.

[3]. Về án phí:

Án phí sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà B.

- Buộc anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn T1 mỗi người phải chịu 495.700 đồng (Bốn trăm chín mươi năm nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả chị Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên lai số 014780 ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Hưng Yên.

Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự. Hoàn trả anh T số tiền 300.000đ tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000317 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VL.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
 - TA, THA huyện VL;
 - Các đương sự;
 - Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Trung Thực